

ĐỀ ÔN THI TUYỂN SINH LỚP 6 MÔN TIẾNG ANH

CÓ ĐÁP ÁN NĂM 2020 - 2021

I. Hãy khoanh tròn A, B, C, hoặc D để tìm từ khác loại trong mỗi dòng sau đây.

- | | | | |
|-------------------|---------------|--------------|-----------|
| 1. A. girl | B. dictionary | C. hospital | D. blouse |
| 2. A. post office | B. newspaper | C. dentist | D. pencil |
| 3. A. read | B. come | C. story | D. tell |
| 4. A. egg | B. magazine | C. vegetable | D. butter |
| 5. A. short | B. careful | C. friendly | D. write |

II. Hãy chọn đáp án đúng A, B, C, hoặc D cho mỗi chỗ trống để hoàn chỉnh đoạn văn sau.

My name is Joe. I go to school in (1) _____ morning. When I get home from school, I have lunch. After lunch, I usually have a nap. In the afternoon, I (2) _____ my lessons and do my homework. Sometimes I go out (3) _____ play volleyball with my friends. Then I have dinner at about 6.30. In the (4) _____, I watch TV and play Computer games. I never go to bed before 9.30. I always read (5) _____ bed.

- | | | | |
|-------------|------------|--------------|------------|
| 1. A. a | B. an | C. the | D. this |
| 2. A. learn | B. work | C. study | D. make |
| 3. A. but | B. or | C. and | D. for |
| 4. A. day | B. morning | C. afternoon | D. evening |
| 5. A. at | B. from | C. in | D. to |

III. Hãy điền từ vào mỗi chỗ trống để hoàn thành các hội thoại sau.

1. *Lan*: It is hot in Ha Noi now. What is the _____ like in _____ ?

Mai: In Sydney? It _____ very cold.

2. *Nam*: What are you _____, *Phuong*?

Phuong: I'm doing my homework.

Nam: And _____ is your brother Dong?

Phuong: He is in his room. He is _____ books.

3. Susan: _____ is the time, Alice?

Alice: _____ is a quarter to one. _____ go to school.

Susan: All right. Let's go. Our lessons begin _____ one o'clock.

IV. Hãy chọn đáp án đúng A, B, C, hoặc D để hoàn thành những câu sau đây.

1. – “___ sugar do you want for your rice soup?” – “Just a spoonful.”

A. How much

B. How many

C. What

D. How

2. My brother plays football with his friends when he free time.

A. gets

B. has

C. does

D. gives

3. “_____. Can you tell me the way to the clothing store?”

A. Thank you

B. All right

C. Listen

D. Excuse me

4. Pupils ___ do all the exercises before they go to school.

A. need

B. have

C. be

D. must

5. – “Where is your new teacher_____?” – “England. She is English.”

A. to

B. from

C. going

D. Corning

V. Hãy dùng những từ cho sẵn sau đây để viết thành câu hoàn chỉnh.

1. My mother/ young/ but / grandmother/ old.

_____.

2. Bob/ clever/ and/ Ben / clever/ too.

_____.

3. Our teacher / usually / give / a lot / homework.

_____.

4. English/ not / easy/ and / Maths / not easy/ either.

_____.

5. a tree / many flowers / our garden.

_____.

VI/ Read the text and answer the questions

On Tuesday morning, it was cloudy and rainy. Kate had a test a school. She had to spell ten words very carefully. She got nine correct answers. She was happy. At recess, the children went outside to the playground. The rain stopped and there was a rainbow. They all looked at the seven colors of the rainbow. In the playground, the children played football and basketball. Kate talked to her friend, Peter. Then the bell rang. All the students came in the class.

1. What was the weather like on Tuesday?

2. Were the children in the classroom at recess?

3. What was there after the rain?

4. What did the children do in the playground?

5. Who did Peter talk to?

ANSWER KEY

I. Hãy khoanh tròn A, B, C, hoặc D để tìm từ khác loại trong mỗi dòng sau đây.

1. A

2. C

3. C

4. B

5. D

II. Hãy chọn đáp án đúng A, B, C, hoặc D cho mỗi chỗ trống để hoàn chỉnh đoạn văn sau.

1. C
2. A
3. C
4. D
5. C

III. Hãy điền từ vào mỗi chỗ trống để hoàn thành các hội thoại sau.

1. weather – Sydney – is
2. doing – where – reading
3. What – It – Let's – at

IV. Hãy chọn đáp án đúng A, B, C, hoặc D để hoàn thành những câu sau đây.

1. A
2. B
3. D
4. D
5. B

V. Hãy dùng những từ cho sẵn sau đây để viết thành câu hoàn chỉnh.

1. My mother is young but my grandmother is old.
2. Bob is clever and Ben is clever, too.
3. Our teacher usually gives us a lot of homework.
4. English is not easy and maths is not easy, either.

5. There is a tree and many flowers in our garden.

VI/ Read the text and answer the questions

1. It was cloudy and rainy
2. No, they weren't
3. After the rain, there was a rainbow
4. They play football and basketball
5. Peter talked to Kate

Mời bạn đọc tham khảo thêm tài liệu thi vào lớp 6 khác nhau như:

Đề thi vào lớp 6 môn Tiếng Anh: <https://vndoc.com/thi-vao-lop-6-mon-tieng-anh>

Đề thi vào lớp 6 môn Toán: <https://vndoc.com/thi-vao-lop-6-mon-toan>

Đề thi vào lớp 6 môn Tiếng việt: <https://vndoc.com/thi-vao-lop-6-mon-tieng-viet>

Đề thi vào lớp 6 chuyên: <https://vndoc.com/thi-lop-6-truong-chuyen>